|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

# **Danh mục và phân loại kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Danh mục và phân loại kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục và phân loại kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2. Thông tư này áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và tư nhân trong toàn quốc, trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Quốc phòng quản lý.

**Điều 2. Danh mục và phân loại kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh**

1. Danh mục kỹ thuật chuyên môn bao gồm các phẫu thuật, thủ thuật thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là Danh mục kỹ thuật chuyên môn)

2. Danh mục kỹ thuật chuyên môn (phụ lục 3) bao gồm 30 chương (phụ lục 2) được kết cấu theo bảng sau đây:

a) Cột 1: Ghi số thứ tự chung từ 01 đến hết 30 chương.

b) Cột 2: Ghi số thứ tự của chương.

c) Cột 3: Ghi tên chương.

d) Cột 4: Ghi mã kỹ thuật theo số thứ tự chương và số thứ tự kỹ thuật quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT).

e) Cột 5: Ghi tên kỹ thuật chuyên môn.

f) Cột 6: Phân loại PTTT: PD: “Phẫu thuật loại đặc biệt”, P1: “Phẫu thuật loại 1”, P2: “Phẫu thuật loại 2”, P3: “Phẫu thuật loại 3”, P0: "Phẫu thuật chưa phân loại". TD: “Thủ thuật đặc biệt”, T1: “Thủ thuật loại 1”, T2: “Thủ thuật loại 2”, T3: “Thủ thuật loại 3”, T0: "Thủ thuật chưa phân loại".

**Điều 3. Điều kiện phân loại phẫu thuật, thủ thuật**

Việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật dựa trên các điều kiện về mức độ khó và phức tạp của phẫu thuật, thủ thuật; mức độ nguy hiểm đối với tính mạng của người bệnh; yêu cầu về phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị y tế sử dụng cho phẫu thuật, thủ thuật; yêu cầu về số người tham gia phẫu thuật, thủ thuật.

**Điều 4. Định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật**

1. Số người tham gia tối đa cho một ca phẫu thuật hoặc thủ thuật được tính dựa trên phân loại phẫu thuật, thủ thuật thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp ca phẫu thuật, thủ thuật khó, phức tạp như ghép mô, bộ phận cơ thể người, phẫu thuật tim hở và các phẫu thuật, thủ thuật khác cần nhiều kíp tham gia và cần có số người tham gia vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều này thì Thủ trưởng cơ cở khám bệnh, chữa bệnh xem xét, quyết định.

3. Việc phân công công việc cụ thể cho từng người trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật do Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định.

**Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến 31/12/2024.

2. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đề nghị bổ sung danh mục kỹ thuật tính từ thời điểm hiệu lực của Thông tư này đến trước ngày 31/12/2024 sẽ được phê duyệt toàn bộ danh mục kỹ thuật chuyên môn theo danh mục ban hành kèm theo thông tư này.

3. Những kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật chuyên môn ban hành kèm theo Thông tư này có mã số tương đương với kỹ thuật chuyên môn đã ban hành tại Thông tư 43/2013/TT-BYT quy định tại cột 4, được tiếp tục thực hiện giá thanh toán phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật thủ thuật theo quy định hiện hành của kỹ thuật đó.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2021/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

3. Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế các Bộ, ngành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);  - Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);  - Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);  - Các Thứ trưởng Bộ Y tế;  - BHXH Việt Nam;  - Sở Y tế, BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Các đơn vị trực thuộc BYT;  - Y tế các Bộ, ngành;  - Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ thuộc Bộ Y tế;  - Cổng TTĐT Bộ Y tế,  - Lưu: VT, PC, KCB. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Thuấn** |

**Phụ lục 1**

**Bảng định mức nhân lực tối đa trong thực hiện phẫu thuật, thủ thuật**

*(Ban hành kèm Thông tư số …TT-BYT ngày tháng năm*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại** | **Định mức nhân lực tối đa theo phân loại PTTT** | | | |
| **Loại đặc biệt** | **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** |
| Phẫu thuật | 8 | 8 | 7 | 7 |
| 1 PTV chính  3 Phụ PT  1 Bác sĩ Gây mê  1 Phụ gây mê  2 Điều dưỡng hoặc KTV bộ phận phẫu thuật | 1 PTV chính  3 Phụ PT  1 Bác sĩ Gây mê  1 Phụ gây mê  2 Điều dưỡng hoặc KTV bộ phận phẫu thuật | 1 PTV chính  2 Phụ PT  1 Bác sĩ Gây mê  1 Phụ gây mê  2 Điều dưỡng hoặc KTV bộ phận phẫu thuật | 1 PTV chính  2 Phụ PT  1 Bác sĩ Gây mê  1 Phụ gây mê  2 Điều dưỡng hoặc KTV bộ phận phẫu thuật |
|  | **Loại đặc biệt** | **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** |
| Thủ thuật | 6 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  3 Phụ TT  1 Bác sĩ gây mê  1 Phụ gây mê | 1 TTV chính  1 Phụ TT  1 Bác sĩ gây mê  1 Phụ gây mê | 1 TTV chính  1 Phụ TT | 1 TTV chính  1 Phụ TT |

**Ghi chú**: PTV = Phẫu thuật viên = Người mổ; TTV = Thủ thuật viên = Người làm thủ thuật, Phụ PT, Phụ TT (bao gồm người phụ, vận hành hệ thống máy liên quan đến phẫu thuật, thủ thuật).

**Phụ lục 2. Tên các chương của danh mục kỹ thuật**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số………/QĐ-BYT ngày ………/……/2024*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

1. Thần kinh
2. Tuần hoàn
3. Hô hấp
4. Tiêu hóa
5. Tiết niệu
6. Nội tiết
7. Tạo máu và lympho
8. Cơ xương khớp (CXK)
9. Mắt
10. Tai
11. Mũi họng miệng (MHM)
12. Sinh dục nam
13. Sinh dục nữ
14. Sản khoa - Sơ sinh
15. Da và lớp bao phủ
16. Tạo hình - Thẩm mỹ (THTM)
17. YHHN - Hóa trị - Xạ trị (YHHN)
18. Y học cổ truyền (YHCT)
19. Phục hồi chức năng (PHCN)
20. Tâm thần
21. Gây mê hồi sức (GMHS)
22. Kỹ thuật chung (KT chung)
23. Điện quang
24. Hóa sinh
25. Huyết học
26. Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng (DU-MDLS)
27. Di truyền - Sinh học phân tử (DT-SHPT)
28. Vi sinh
29. Giải phẫu bệnh (GPB)
30. Dinh dưỡng lâm sàng (DDLS)

**Phụ lục 3. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…..…../QĐ-BYT ngày ….…/…../2024*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

(Xem tại file exel đính kèm)